TẠP CHÍ KHOA HỌC VÀ GIÁO DỤC
ISSN: 1859-1612
Journal homepage: https://tckhgd.dhsphue.edu.vn

Dấu ấn văn hoá Việt trong các phương thức dự báo (khảo sát trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam)

Trần Thị Thanh Nhị

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:
Ngày nhận bài: 06/6/2024
Ngày nhận bản chỉnh sửa: 23/7/2024
Ngày nhận đăng: 26/7/2024
Ngày xuất bản: 20/10/2025

Từ khóa:
Dự báo
Ma thuật
Bùa chú
Văn hoá gốc nông nghiệp
Lên đồng

TÓM TẮT

Việt Nam không phải là quê hương của Kinh Dịch, tử vi, tướng thuật, trạch cát, chiêm mộng, thuật số…Các phương thức dự báo được các nhà văn sử dụng trong Văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam hầu hết đều được lấy từ Trung Quốc. Khi tiếp nhận, sử dụng chúng trong đời sống, trong văn học, người Việt nói chung, các nhà văn nói riêng không chỉ tiếp nhận mô hình, hình thái của chúng mà đương nhiên chịu sự ảnh hưởng của hệ thống tư tưởng, nguyên lí, cơ sở lí thuyết và cả cách thức lí giải (dựa trên thuyết âm dương ngũ hành, thiên nhân hợp nhất, nhân thể tiểu vũ trụ, thiên nhân cảm ứng, thiên mệnh…). Nếu chỉ quan sát trên bề mặt thì chúng ta chỉ nhìn thấy "bản sắc" Trung Hoa nhưng nếu nhìn dưới "tảng băng trôi" ấy sẽ nhận ra các nhà văn trung đại chỉ vay mượn sử dụng hình thức, mô hình để kiến tạo nên hệ thống dự báo đậm dấu ấn văn hoá gốc nông nghiệp biểu hiện ra trên mấy khía cạnh: 1. Sự xuất hiện tần số cao của nhân tố nữ và nước trong dự báo. 2. Hệ thống động vật và thực vật tiêu biểu cho văn hoá nông nghiệp. 3. Dự báo mang đậm tính bùa phép, ma thuật gắn với văn hoá, truyền thuyết, lịch sử Việt Nam.

1. MỞ ĐẦU

Dự báo xuất hiện ở các nền văn hoá trên thế giới với nhiều kiểu loại phong phú, đa dạng. Tuỳ thuộc vào điều kiện tự nhiên sinh hoạt, tín ngưỡng tôn giáo mà có các cách quan niệm, hình thành, thực hiện, giải đáp về dự báo khác nhau. Theo thời gian, con người có hai nhóm dự báo chính: thiên khải và nhân vi. Thiên khải là chờ đợi những dấu hiệu từ trời, thánh thần một cách bị động còn nhân vi là các hình thức do con người sáng tạo ra một cách chủ động để biết thông tin tương lai. Có thể liệt kê ra các nhóm loại chính xuất hiện trong các nền văn hoá như: dự báo qua quan sát chủ yếu là các hiện tượng bất thường trong thiên nhiên (điềm triệu), chiêm tinh, chiêm tướng, chiêm mộng, thuật số, Kinh Dịch, bài Tarot, chữ Rune, dự báo qua vu thuật (lên đồng…), *Kinh Dịch*, tử vi, tướng thuật, trạch cát, chiêm mộng, thuật số….

Các loại hình dự báo ở Việt Nam đa số tiếp nhận từ Trung Quốc, tuy nhiên khi đi vào Việt Nam cũng có sự khác biệt. Có những hình thức dự báo do người Việt sáng tạo ra tiêu biểu như bói Kiều (dùng *Truyện Kiều* làm phương tiện bói). Ngoài ra, hình thức xem bói phổ thông dân gian nhất ở dân chúng là xin keo âm dương (dùng đồng tiền tung sấp ngửa để biết ý thần linh) và bói lá trầu, chân gà (dựa trên ngũ hành). Theo Tư Mã Thiên, tại khu vực Đông Âu Việt, về sau là cả khu vực nước Nam Việt, đã xuất hiện hệ thống các vu sư thờ Thượng Đế, thánh thần, ma quỷ, xem bói bằng chân gà, được gọi là Việt vu. Tư Mã Thiên cho biết: "Bấy giờ (110 trước Công nguyên) đã diệt nước Nam Việt. Người Việt là Dũng Chi bèn nói: Tục người Việt tin ma quỷ, đền thờ đều thấy ma quỷ, khấn vài lần đều linh nghiệm. Xưa vua Đông Âu kính ma quỷ, thọ đến một trăm sáu mươi tuổi. Đời sau khinh mạn nên suy tổn. Đoạn bèn sai Việt vu dựng đề thờ Việt, đặt bệ thờ, không có đàn tế, cũng thờ thần, Thượng Đế, dùng gà để bói. Hoàng thượng tin. Đền thờ Việt, phép bói gà bắt đầu sử dụng từ đây" (Nguyễn & Trần, 2014). Như vậy, Việt

Tác giả liên hệ: Trần Thị Thanh Nhị;
Địa chỉ e-mail: thanhnhidh@gmail.com
DOI: https://doi.org/10.26459/jse.046.2025

Nam không phải là nơi khởi phát của các bộ môn dự báo như: *Kinh Dịch,* tử vi, tướng thuật, trạch cát, chiêm mộng, thuật số… nhưng các phương thức này được các nhà văn sử dụng với tần suất rất dày trong Văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam (VXTSTĐVN). Đương nhiên, trong quá trình tiếp nhận, các nhà văn không chỉ tiếp nhận mô hình của chúng mà đương nhiên chịu sự ảnh hưởng của hệ thống tư tưởng, nguyên lí, cơ sở lí thuyết và cả cách thức lí giải. Nếu chỉ quan sát đơn giản, một chiều thì chỉ nhận thấy dấu ấn, tư tưởng Trung Hoa nhưng nếu khảo sát sâu sẽ nhận ra các nhà văn trung đại chỉ vay mượn sử dụng hình thức, mô hình để kiến tạo nên hệ thống dự báo đậm dấu ấn văn hoá gốc nông nghiệp

2. NỘI DUNG

2.1. Nhân tố nữ và nước trong dự báo

Lịch sử Việt Nam chịu ảnh hưởng của ngàn năm bị phương Bắc đô hộ không thể nào không chịu tác động về văn hoá tư tưởng. Tuy nhiên, sức mạnh, bản sắc, cá tính văn hoá nông nghiệp vẫn để lại, in đậm trên nhiều khía cạnh của văn hoá, đời sống, trong đó có CPTDB. Khác với văn hoá Trung Quốc có nguồn gốc du mục trọng dương, trọng nam, trọng sức mạnh dẫn đến tâm lí "nam tôn nữ ti", do điều kiện tự nhiên xứ nóng quy định lối sống nông nghiệp âm tính, do vậy mà tính cách văn hóa Việt Nam thiên về âm tính, biểu hiện của trong tư duy nhận thức, lối sống xã hội, vật chất và tinh thần. Về nguyên tắc tổ chức cộng đồng, con người nông nghiệp ưa tổ chức theo nguyên tắc trọng tình: "*lối sống trọng tình cảm tất yếu dẫn đến thái độ trọng đức, trọng văn, trọng phụ nữ… tinh thần của người nông nghiệp định cư...coi trọng người phụ nữ là hoàn toàn nhất quán và rõ nét*" (Nguyễn & Trần, 2014, p. 43). Người phụ nữ không chỉ có vai trò quan trọng trong gia đình mà còn có vị trí cao trong lĩnh vực văn hoá tâm linh. Gắn với CPTDB trong văn hoá và văn học, có nhiều phụ nữ xuất hiện với tư cách là các tiên tri, bốc sư tài ba nhìn thấy thế cuộc như: ni sư (*Ni sư đức hạnh- Nam ông mộng lục*), mẹ Nguyễn Bỉnh Khiêm (*Bạch Vân am- Nam thiên trân dị tập*), Hoa Viên (*Việt Nam kì phùng sự lục*), Bích Châu (*Ngôi đền thiêng ở cửa bể- Truyền kì tân phả*), bà lão mù (*Xem tướng xương- Vân nang tiểu sử*), người đàn bà thôn quê (*Thi hội- Tang thương ngẫu lục …*). Yếu tố nữ xuất hiện với vai trò dự báo không chỉ là người thường mà còn là hệ thống nữ thần: Tiên Dung (*Ông Lê Trãi- Tang thương ngẫu lục*), Thần cửa Còn (*Thần cửa Còn - Lan trì kiến văn lục*), bà già Trời (*Nam triều công nghiệp diễn chí*), bà Triệu (*Lệ Hải bà vương kí- Việt điện u linh*). Từ trước đến nay trong địa hạt tâm linh, hình thái bậc cao của đời sống tâm hồn nhân loại rất thưa bóng phụ nữ. Người nữ ít khi được đánh giá ở khả năng tâm linh, quyền uy phép thuật. Đặc biệt người nữ đứng đầu các tôn giáo lớn với tư cách giáo chủ thì càng không có. Nhưng trong lịch sử văn hóa Việt Nam và trong *Truyền kì tân phả*, Đoàn Thị Điểm đã chứng minh với thế giới một điều xưa nay chưa từng có. Người phụ nữ hoàn toàn có thể tham gia vào địa hạt tâm linh và bước lên vị thế cao nhất. Liễu Hạnh xuất hiện với tài phép biến hóa khôn lường... thường hiển linh, người lành được phúc, kẻ ác gặp tai vạ... Sức ảnh hưởng đối với dân chúng và triều đình lập đàn cầu đảo (Trần, 1997a, p. 405). Liễu Hạnh trở thành "Mẫu nghi thiên hạ", một trong "Tứ bất tử"[1] và vị thần chủ của Đạo Mẫu được thờ ở vị trí trung tâm và trang nghiêm nhất. Hình tượng này xuất hiện trực tiếp và gián tiếp trong một số tác phẩm khác như *Thượng kinh kí sự, Việt Nam kì phùng sự lục*. Trong những tác phẩm này, nhân vật Thánh Mẫu giữ vai trò là người dự báo tương lai cho hoạ phúc nhân gian.

Đặc điểm thiên về âm tính, coi trọng nước của văn hoá gốc nông nghiệp phản chiếu vào CPTDB, được thể hiện ra trên nhiều mặt. Motif văn học quen thuộc xuất hiện trong văn học dân gian và cả trong văn học viết là thụ thai và sinh nở kì lạ, mà trong đó người cha thuộc về thế giới nước. Những người con sinh ra trong trường hợp này thường có tài năng xuất chúng. *Nhân vật tài có nguồn gốc từ nước,* đó cũng là một trong những dấu hiệu dự báo trước sự nghiệp hiển hách của họ sau này. Đinh Tiên Hoàng vì là con của rái cá nên khi khôn lớn, người rất lanh lẹ và có biệt tài bơi lội dưới nước, sau này lên làm vua (*Đinh Tiên Hoàng- Công dư tiệp kí*). Trong hệ thống *nhân vật có chức năng dự báo tương lai* thì có một điều thú vị là rất nhiều trong số họ *có nguồn gốc từ thế giới dưới nước, long cung*: Long quân xem quẻ ra bói giúp vua xem ngày giặc đến (*Đổng Thiên vương- Lĩnh Nam chích quái*), Bạch long hầu thì dùng thì giờ nhàn để đi làm nghề bói ở nhân gian (*Đối tụng ở long cung- Truyền kì mạn lục*), thánh nương là thần cửa Còn linh ứng thường báo trước cho dân biết trước hoạ phúc (*Thần cửa Còn- Lan trì kiến văn lục*), cháu dâu Long vương đi tìm chồng trên dương gian cũng làm nghề thầy bói qua ngày: cách xem bói chỉ hơ mai rùa (vật thuộc nước) (*Hai thần nữ- Thánh Tông di thảo*), người cháu cũng được ông là quan dưới thuỷ phủ xem tử vi cho biết tương lai đỗ đạt… (*Người trần ở thủy phủ- Thánh Tông di thảo*). Một motif thường gặp nữa là người nhân gian *cầu xin và nhận được sự giúp đỡ cứu trợ từ thế giới nước* xuất hiện trong nhiều tình tiết tác phẩm như: Chu Văn An biết học trò là thủy thần, gặp năm hạn hán, nắng to, ông sai hai người này đi làm mưa, đi được một lúc thì mưa xuống như trút nước. Vì làm theo lời dạy của sư phụ, làm

[1] Tứ bất tử gồm: Sơn Tinh, Thánh Gióng, Chữ Đồng Tử và Liễu Hạnh

mưa chống lại ý chỉ của Thượng Đế nên hai vị thủy thần này bị giáng tội (*Ông Chu Văn An- Tang thương ngẫu lục*). Trong *Việt điện u linh*, khi Việt Vương bị Quân Nam Đế truy đuổi đến đường cùng bèn hô to: "*Hoàng long thần vương không giúp ta sao?*" thì bỗng thấy rồng vàng xuất hiện, "*rẽ nước thành đường mà dẫn đi, nhà vua đi vào nước rồi thì khép lại như cũ*" (Trần, 1997a, p. 64). Nước trong tâm thức dân gian là một lực lượng có sức mạnh hiển linh, có khả năng giúp đỡ con người. Thần sông nước giúp chống giặc ngoại xâm (*Trương Hống - Trương Hát- Việt điện u linh*). Sự linh thiêng của nước không chỉ phù hộ trong việc góp sức thắng giặc mà còn giúp dân trong cuộc sống sản xuất, liên quan đến các vấn đề khai thác các nguồn lợi sông biển và cầu mưa trong nông nghiệp. Nước gắn bó với sản xuất nông nghiệp nên những lúc nắng hạn, thường có việc cầu mưa (*Man Nương- Lĩnh Nam chích quái, Hậu Thổ phu nhân, Thần Đồng Cổ, Kỳ Thạch phu nhân, Nhị Trưng phu nhân- Việt điện u linh*). Nước đem lại hạnh phúc nhưng nước cũng đem đến tai họa cho con người. Từ nỗi sợ ấy, con người thường có những biện pháp để xoa dịu, trấn an như thờ cúng, hiến tế (súc vật, của cải, người). Dấu vết này còn để lại trong nhiều tác phẩm như *Ngôi đền thiêng ở cửa bể- Truyền kì tân phả, Ông Dầu, bà Dầu, Việt Lam xuân thu*. Văn hoá là "thiên nhiên thứ hai", do con người sáng tạo trong thực tiễn xã hội. Sự xuất hiện của yếu tố nước trong CPTDB chứng tỏ sự sáng tạo văn hoá thời trung đại bị quy định bởi thái độ của con người đối với nước nói riêng và thiên nhiên nói chung là sợ hãi, kính ngưỡng, tôn sùng, phụng thờ.

2.2. Hệ thống động vật, thực vật đậm văn hoá gốc nông nghiệp

Dấu ấn văn hoá gốc nông nghiệp còn để lại qua hệ thống thực vật, động vật xuất hiện trong dự báo mang đậm bản sắc dân tộc.

Thực vật: Những hoa sen, cây đa, cây đề… được xem là những linh vật thiêng trong văn hoá Việt Nam xuất hiện trong những cảm ứng mộng của người mẹ sinh con. Lúc Nguyễn Sinh sắp ra đời, người mẹ mộng thấy nuốt một đóa sen trắng (*Đào hoa mộng kí*), mẹ Kiều Nương đi qua dưới cây đa Dương Húc bỗng sở cảm, đến kì sinh ra nàng (*Việt Nam kì phùng sự lục*). Một số điềm cây khác như cây đa, cây gạo thì kí hiệu điềm lành là sự ra hoa (nhất là cây cổ thụ lâu năm) như trong truyện *Dung thụ* kể chuyện cây đa bên miếu, khi nào trong làng có người đỗ đại khoa thì cành đa tự nhiên mọc ra một cái rễ nhỏ vòng quanh thân cây như là đeo đai vậy. Làng Cổ Bi cũng có một cây gạo to, trong làng có ai thi đỗ thì cây gạo mới nảy hoa. Cây ưu bát đàm (cây sung) nở hoa, cây mọc bất thường như cây cau mới mọc vài đốt đã có quả, một gốc cau sinh chín cây không được giải thích lệch lạc về mặt sinh học mà được xem là sự cát tường. Cây gạo bị sét đánh với bài thơ dự báo sự đổi ngôi từ nhà Lê sang nhà Lý (*Đại Việt sử kí toàn thư, Thiền uyển tập anh*). Cây chuối quê kiểng cũng được Nguyễn Đăng Tuyển khai thác nội dung thông điệp dự báo: Lan thấy trong khóm lá chuối có một tàu lá bị sâu ăn thành chữ, nhìn kĩ thì một bài thơ Đường luật: *Lá bối am thiêng nghiêng thuỷ vũ* (thuỷ vũ đồng nghĩa với Thuý Kiều)*/Ngó hoa đương ngát gặp kim liên* (Kim liên là tên chữ của Nguyên Tịnh, tức Nguyên Sinh) */Xưa kia duyên nợ nay trang trải/Bù lại chia li chục rưỡi năm.* Truyện *Trạng nguyên Giáp Hải* kể chuyện Giáp Hải thủa bé được thầy ra đề thi Vịnh cây chuối liền làm ngay rằng: *Sảo trường sảo đoản đoản sảo trường* (hơi dài hơi ngắn ngắn hơi dài). Thầy bảo sau này em bé lớn lên, tất sẽ được nổi tiếng về văn chương trong thiên hạ. Quả nhiên sau ông đỗ Trạng nguyên và làm đến chức Thượng thư. Trong hệ thống thực vật dân tộc thì trầu, cau có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Trầu cau xuất hiện trong những nghi lễ dự báo để tạo không khí thành kính, thiêng liêng. Thế Giai lúc có người nhờ xem chữ liền móc túi lấy ra vài xu mua mấy miếng trầu của bà chủ quán đặt lễ. Lễ bạc nhưng lòng thành, cũng có thể cảm ứng trời đất (*Cổ quái bốc sư truyện*).

Động vật: Khảo sát hệ thống CPTDB, chúng ta thấy sự xuất hiện hàng loạt những điềm triệu gắn với động vật như các con vật với màu sắc lạ xuất hiện (thường màu trắng), mộng thấy rồng, rắn, chim, hổ… Tiên tri hoạ phúc qua động vật cho thấy từ lâu trong dân đã có sự sùng bái đối với chúng. Trong CPTDB thì điềm triệu là loại hình thể hiện rõ nhất tín ngưỡng này. Tạ Chí Đại Trường, trong cuốn *Thần, người và đất Việt* đã chỉ ra, ở các thế kỉ trước các nhà viết sử đã có ý thức ghi chép về điềm, điều này cho chúng ta những tham khảo giá trị để hiểu về đời sống tư tưởng thời trước (Trần, 2006, p. 200). Tuy nhiên, việc lạm ghi điềm cũng tạo ra nhiều phản hồi khen chê của các nhà chép sử đời sau. Sử gia Ngô Thì Sĩ làm thống kê "*Triều Lý trước sau gần 50 lần chép điềm lành… Đời Lý Thần Tông chép 29 điềm tốt, điềm hươu đến 9 lần, vì hươu mà được làm quan 3 lần, dò xét hươu được thưởng 2 lần*". Còn sử gia Ngô Sĩ Liên và Lê Văn Hưu tuy không làm thống kê nhưng cũng phê bình vua, nhân có các điều các ông cho là lạm dụng khi thấy các nhân vật đi theo sinh hoạt các thời đại: tìm hươu trắng, vật thú lạ.

Rồng, rắn xuất hiện một số motif về sự ra đời thần kỳ của nhân vật, nhất là nhân vật đấng bậc, quân vương, danh nhân. Cùng với rồng, chim là một trong hai vật tổ được người Việt sùng bái. Chim quần tụ là kí hiệu của điềm lành. Tổ ba đời của vua Lê Lợi đi chơi núi Lam Sơn thấy đàn chim bay quanh dưới núi, giống như hình trạng nhiều người tụ họp, bèn nói: chỗ này tất là đất tốt, mới dời nhà đến ở, từ đấy đời đời làm hùng trưởng một phương (*Việt sử lược*). Chim mang đến thông tin và cũng là điềm báo trước cái

chết, nhất là loại chim có lông đen chẳng hạn như quạ hoặc loài chim hoạt động về đêm như cú: Trên các cây cối trong phủ chúa thường có hàng vạn con quạ ở đâu kéo đến bay lượn lao xao, ngày đêm kêu gào quang quác (*Hoàng Lê nhất thống chí*) báo trước tai hoạ, chết chóc trong phủ chúa Trịnh. Người Việt và các dân tộc khác, cho rằng gà là một trong những con vật linh thiêng và gần gũi nhất với con người và được xếp vào thập nhị địa chi. Ở một số vùng dân tộc Kinh người ta còn tin rằng nếu gà mái biết gáy là báo điềm gở cho gia đình và quốc gia. Trong văn hoá dân gian gắn với tục thờ Mẫu, Thánh, ngũ phủ công đồng, ở những nơi này biểu tượng con gà được đứng ở vị trí quan trọng trước điện thờ tiên thánh. Giá thờ cô Chín – *vị thần bói toán* – bao giờ cũng là biểu tượng con gà trống hết sức sống động, được vẽ rất đẹp. Ở vùng dân tộc Hmông gà trở thành biểu tượng thiêng liêng, có thể giúp con người đoán định tương lai của đời người, của hạnh phúc lứa đôi. Họ không xem chân gà như những dân tộc khác mà xem xương gà để chọn ngày giờ tốt và đoán định tương lai. Trong VXTSTĐVN, gà cũng xuất hiện với ý nghĩa điềm báo tượng trưng qua giấc mộng để phán truyền tương lai. Trong *Hương Lãm Mai Đế kí- Việt điện u linh* kể chuyện khi sinh ra Mai Thúc Loan, mẹ nằm mộng được trao viên ngọc kê sơn bích. Người cha giải thích: gà (kê) thì đứng đầu loại có cánh, lại thêm năm sắc loé mắt, dùng để làm vật báu có cái điềm lành của con tinh điều mang năm đức tốt. Bèn đặt tên là Phượng, tự là Thúc Loan, đó là để ghi lại cái điềm được thấy trong giấc mộng. Tín ngưỡng sùng bái động vật xuất hiện ở nhiều quốc gia, nhiều dân tộc thờ các con vật có sức mạnh như hổ, sư tử, chim ưng... thì tín ngưỡng Việt Nam thờ các con vật hiền lành hơn như trâu, cóc, rắn, chuột, chó, mèo, voi, gà, rùa…là các con vật đó gần gũi với cuộc sống của người dân của một xã hội nông nghiệp, thậm chí đẩy các con vật lên thành mức biểu trưng như Tiên, Rồng (theo truyền thuyết thì tổ tiên người Việt thuộc họ Hồng Bàng (có nghĩa là một loài chim nước lớn), thuộc giống Rồng Tiên).

2.3. Dự báo mang đậm tính ma thuật

Ma thuật và dự báo có liên hệ với nhau, điều này được một số nhà nghiên cứu văn hoá khẳng định. Theo Levy Bruhl: "Những điềm báo trước có hiệu lực riêng. Chúng góp phần dẫn dắt điều mà chúng tiên đoán tới… Chúng không chỉ phát lộ một hành động có hại sắp được thực hiện hay đã được thực hiện ngay từ lúc này. Bản thân chúng đã thực hiện hành động ấy rồi" (Bruhl, 2008, p. 98), A. JA. Gurevich cũng cho rằng: "Thông qua ma thuật, có thể trở về quá khứ, có thể tác động đến tiến triển tương lai của những biến cố. Có thể tiên đoán tương lai… và thấy tương lai trong giấc mộng (những giấc mộng tiên tri có một vai trò khá quan trọng trong những saga)" (Gurevich, 1996, p. 105), F.E.Williams cũng đã khái quát về ma thuật và dự báo: "Yếu tố cơ bản của ma thuật… đó là mong muốn có được kết quả, nhưng là mong muốn theo một cách đặc biệt… Trong cơn say mê để tự thoả mãn, niềm mong muốn, mơ ước, tạo ra trước một sự hiện thực hoá cái đối tượng bằng cách dự báo trước hay bắt chước đối tượng ấy, khoảng cách giữa việc dự báo trước với một việc hiện thực hoá có thực đã biến mất. Những trở ngại, thường là đông đảo và theo chúng ta là không vượt qua nổi, chống lại việc hiện thực hoá đã tự tiêu tan. Chính ở chỗ đó, phát lộ ra khả năng riêng biệt của ma thuật: để cho kết cục đạt tới một cách thực sự, không cần thiết là hành động phải tự điều chỉnh dựa vào mối liên hệ của những nguyên nhân và những kết quả" (James, 2007). Văn hoá nội sinh Việt Nam thờ nhiên thần có sẵn tính ma thuật, phép thuật, bùa chú. Phật giáo và Đạo giáo khi du nhập một mặt giữ những nét cơ bản, một mặt biến đổi theo tín ngưỡng bản địa, nhuốm màu sắc này: "Ở Giao Châu, Phật giáo cũng có thể như trên đất Trung Hoa vào buổi đầu, vì nhu cầu phổ biến theo đường lối hạ thừa để gần trình độ dân chúng nên phải nhuốm màu sắc Đạo giáo… Vào triều Đông Hán, Đạo giáo xâm nhập vào Giao Chỉ mang đậm nét phương sĩ, ma thuật… nên chúng ta không mong thấy được lí thuyết về vô vi như một thái độ sống, về một triết lí siêu hình làm quân bình" (Trần, 2006, p. 95). Tính chất này nhìn nhận từ CPTDB được hiện trên các mặt sau: đồng cốt, phép thuật, bùa chú.

Lên đồng: Liên quan đến đồng có nhiều dạng kiểu, nhưng chung quy lại nổi bật lên là giáng bút. Giáng bút là một hiện tượng saman giáo trong văn hóa Việt có từ hàng trăm năm trước, đó là những vần thơ của các vị tiên, thánh. Giáng bút là hiện tượng "nhập thần" trong đó thực hiện nghi lễ cầu cúng để mong muốn có sự phán truyền dạy dỗ của thần linh thông qua văn tự (Hán Nôm). Cách diễn ra của giáng bút được coi là sự nhập thần của tiên thánh vào người cầu cúng, ra lời chỉ bảo bằng thơ văn. Họ nhập đồng sau lời cầu xin và thông qua họ, tiên thánh ra chữ lên mặt chiếc mâm đồng rải gạo; có người thạo chữ nghĩa ngồi nhìn hình được vẽ đoán chữ rồi ghi thành văn tự. Lời văn thơ trong giáng bút thường khoáng hoạt, đôi lúc ẩn ý, người đọc phải đoán định về ý tứ điềm báo của thần thánh qua từng câu chữ. Thường giáng bút của thần tiên phần nhiều là nhắc bảo và răn dạy người, cùng thông báo niềm vui và cảnh báo về kiếp nạn. Dự báo thông qua giáng bút dưới hình thức tâm linh có tính xã hội tích cực vì nội dung của các bài thơ giáng bút là lời răn dạy, cảnh báo để người nghe phải dè chừng về tương lai mà sửa mình thể hiện trong hai tác phẩm *Tiên giáng bút vạch chuyện giấu gấm* và *Lòng thành giữ được lái thuyền*.

Dự báo thông qua lên đồng thánh (ma) nhập giúp lí giải nhiều vấn đề của cuộc sống như nguyên nhân của những chuyện bất tường (ốm đau, tai vạ…). Một thực tế lịch sử, văn hoá cho thấy: "Ở Giao Chỉ người có mối lo, tai biến thì nhảy đồng, chạy thầy cúng", và "Sinh hoạt đồng bóng là điều bình thường

trong triều đình của các thế kỉ này" (Trần, 2006, p. 126). Có nhiều kiểu như ốp đồng (nhập đồng tự nhiên – thánh thần tự nhập) và tạo môi trường cầu cho thánh thần nhập để dự báo tương lai. Những thông tin được báo trong nhập đồng thường liên quan đến sức khoẻ, sự kiện bất thường cần giải quyết. Đọc truyện *Sông Độc* (*Thiên Nam ngữ lục*), chúng ta không chỉ phần nào hình dung được cách nhập đồng của các thầy phù thủy mà còn biết trong quan niệm xưa việc ốm đau của con người đôi khi là do vô ý xúc phạm đến thần linh: Quản Lĩnh Hầu Mỗ ở Kinh đô bị ốm nặng, thuốc thang cứu chữa mãi không công hiệu. Người nhà mời thầy phù thủy đến lập đàn thỉnh tướng. Tướng bốc đồng lên nói rằng: "Hầu ốm không cớ gì khác, chỉ tại tên Mỗ giết con thần sông mà nên. Kíp bảo nó đến đền chịu tội, nếu để thần sông quá giận, thì bệnh sẽ không thể khỏi được (Trần, 1997b, p. 217). Bằng cách nhập đồng có thể lí giải được bệnh tật tai ương, biết được tương lai vận số và cũng đưa ra các phương án giải quyết. Trong *Không tin thần quái*, tác giả chỉ ra thói tục lúc bấy giờ là: "*Ta thấy thói tục hủ lậu, hễ dân chúng có ai bị chút nạn nhỏ, khi hỏi đến thì đều nói: "thành hoàng ở ngoài, xin mời thầy phù thuỷ lên đồng mà triệu về". Cách làm là lấy một gậy tre dài chôn xuống đất, sâu độ 3, 4 thước. Dưới đất ghìm cọc chéo cho chắc. Thầy phù thuỷ vẽ bùa niệm chú còn người ngồi đồng thì nắm lấy cây gậy mà lắc lư làm cho nó lung lay, rồi nhổ lên mặt đất mà nói: "thần ứng"* (Trần, 1997b, pp. 335-336). Tuy tác giả chê thói tục hủ lậu nhưng mặt khác những ghi chép dẫn chứng đã cung cấp cho chúng ta những ví dụ sinh động về văn hoá lúc bấy giờ, nhất là cách giải quyết khó khăn, vấn đề dự báo qua thánh nhập lên đồng.

Phép thuật, bùa chú thường xuất hiện trong CPTDB như một cách để giúp cho dự báo sớm xảy ra. Quý Kính bị bệnh mãi không khỏi bèn nhờ thầy số xem giúp. Người thầy số không chỉ phán truyền mà còn làm một việc mang tính ma thuật rất rõ, dùng chữ viết đề vào trong số cục (tử vi) tám chữ: "*Cán truyền tạo hóa, trụ thạch càn khôn*", quả nhiên bệnh khỏi (*Cổ quái bốc sư truyện*). Như vậy, việc dự báo không chỉ dừng lại ở hành vi thông báo tương lai, mà việc viết chữ cũng góp phần làm cho dự báo trở thành hiện thực. Việc viết chữ thể hiện tính ma thuật vì nó truyền năng lượng, ý chí, suy nghĩ của người viết cho người nhận. Chi tiết tương tự cũng được lặp lại trong truyện *Thám hoa thượng thư trí sĩ cẩm quận công Nguyễn Thọ Xuân*, một người bạn ông ốm đã lâu, Nguyễn Thọ Xuân đến thăm rồi viết câu đối lên vách rằng: *Phùng Khứ Tật, Hoắc Khứ Bệnh, tật bệnh khử trừ/ Hàn Diên Thọ, Đỗ Diên Niên, thọ niên diên vĩnh*. Quả nhiên bạn ông khỏi bệnh và được sống lâu. Câu đối của ông có thể gọi là thần bút linh nghiệm (Trần, 1997a, p. 602). Trong truyện *Man Nương*, Sư Đồ Lê gửi đứa con gái của Man Nương vào cây và có lời tiên tri: "*Ta gửi đứa con này của Phật cho ngươi giữ lấy, rồi sẽ danh thành Phật đạo*". Sau này đoạn cây nơi đặt đứa con gái đã hoá thành một tảng đá rất rắn, rìu búa của thợ đều mẻ hết. Đem vứt xuống vực sâu, tảng đá bỗng phát ra những tia sáng rực rỡ, một chốc lâu mới chìm. Cả bọn thợ đều ngã ra chết. Mời Man Nương đến khấn vái, rồi nhờ dân chài đến vớt lên vào điện Phật, mạ vàng để phụng thờ. Sư Đồ Lê bèn đặt tên cho bốn pho tượng Phật là Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện. Người bốn phương tới đây cầu mưa, không lúc nào không ứng nghiệm. Việc cầu mưa qua một hòn đá thì nhiều tài liệu đã đề cập và lí giải dưới nhiều khía cạnh. Nhưng theo ý kiến của chúng tôi, không thể không suy nghĩ đến một hướng lí giải liên quan đến văn hoá ma thuật nguyên thuỷ bản địa gắn với việc sử dụng một số vật đặc trưng với những phẩm chất đặc biệt (như đá…) để tác động vào thần linh tương ứng. Hồ Quý Ly từng ra một câu đối cho Hồ Nguyên Trừng: "*Hòn đá lạ bằng nắm tay, gặp dịp sẽ làm mây làm mưa để thấm nhuần dân chúng*". Chi tiết này cho thấy, đến tận thế kỉ XV, ở phương diện triều đình vẫn tiến hành cầu mưa qua một hòn đá.

Bùa chú hoặc các pháp cụ hỗ trợ dự báo: Xuất hiện cùng với CPTDB là bùa chú và các pháp cụ hỗ trợ (có sức mạnh siêu nhiên) trong VXTSTĐVN phần nào phản ánh đời sống văn hoá lúc bấy giờ. Để giải quyết những vấn đề khó khăn của cuộc sống thực, con người sử dụng những sức mạnh của tâm linh siêu nhiên. Bùa được xem như vật có hiển hiện hoặc tàng trữ một sức mạnh thần diệu, nó thực hiện cái mà nó biểu trưng, một mối quan hệ đặc biệt giữa người mang nó với những sức mạnh mà nó biểu thị: "*Nó cố định và tập trung mọi sức mạnh… hoạt động ở mọi phương diện vũ trụ… nó đặt con người vào trung tâm sức mạnh ấy, làm tăng sinh lực của nó, làm cho nó trở nên hữu thực hơn, đảm bảo cho nó một số phận tốt nhất sau khi chết*" (Jean, 2002, p. 109). An Dương Vương xây dựng Loa Thành, thành xây xong lại đổ, sau nhờ thần Rùa vàng báo có yêu quái ẩn nấp trong thành, vua mới rõ nguồn cơn: *Có yêu quái ở chốn này/ Nó thì trêu gở chốn này vậy song/ Ông Quán hiệu là Ngộ Không/ Có đôi gà trắng nuôi trong thường lề/ Dầu vua giết được bạch kê/ Làm bùa yểm dưới vậy thì thành nên* (*Việt sử diễn âm*). Ở câu chuyện trên, thần Rùa vàng vừa mách bảo cho vua căn nguyên của việc đổ thành vừa dặn dò cả việc làm "bùa yểm" – một phương thức thường được sử dụng cho việc diệt trừ yêu quái. Ông Võ Công Trấn trọ học gần miếu yêu tinh, một hôm yêu tinh hiện thành một cô gái đến trêu đùa ông, ông bèn cầm bút viết đùa ở khoảng không hai chữ "tróc phọc" rồi ôm lấy. Vừa ôm thì bỗng không trông thấy gì cả, nhưng buông tay ra thì thấy vẫn ngồi ở đấy. Bấy giờ mới biết là một yêu nữ. Cô ta ngồi lặng lúc lâu, không thể đi được, kêu van ông tha cho. Ông nhất định không nghe và đòi biết về tương lai. Sau khi được yêu tinh nói cho biết rồi

ông viết vào khoảng không một chữ "giải". Cô ta thoắt biến mất. (*Ông Võ Công Trấn- Tang thương ngẫu lục*). Hành động viết chữ trên không trung của nhân vật kể trên là một trong những cách thực hành hành động có tính phép thuật, xuất hiện trong Mật tông và các tín ngưỡng đạo giáo phù thuỷ dân gian, đây là hành động vẽ bùa. Ngoài ra, tuỳ vào sự tu luyện của mỗi pháp sư mà mỗi người có một loại pháp cụ làm phép riêng như Đạo sĩ trong truyện *Lí Tướng quân* dùng chùm hạt châu nhỏ để Lý tướng quân thấy trong đó có lò lửa, vạc sôi, bên cạnh có những người đầu quỷ ghê gớm, hoặc cầm thừng chão, hoặc cầm dao cưa, mình thì đương bị gông xiềng, bò khúm núm ở bên vạc dầu, lấm lét sợ toát mồ hôi. Để làm cho Thái bà chóng sinh, đạo nhân dùng cái bùa ngọc để đưa Thái ông vào mộng lên thiên đình biết nguồn gốc của Giáng Tiên (*Nữ thần ở Vân Cát*). CPTDB được các nhà văn vay mượn từ Trung Hoa nhưng khi đi vào trong VXTSTĐVN lại mang đậm bản sắc văn hoá gốc nông nghiệp Việt Nam. Hiện tượng trên cho thấy sự nỗ lực của các nhà văn trung đại trong việc cố gắng tạo nên nét riêng từ nguồn chất liệu bên ngoài. Mặt khác, cũng cho ta thấy sức thẩm thấu, biến đổi của văn hoá nội địa trước một hiện tượng văn hoá tiếp nhận, ảnh hưởng từ bên ngoài.

3. KẾT LUẬN

Các phương thức dự báo trong văn hoá và văn học được người Việt Nam tiếp nhận từ Trung Quốc nhưng khi đi vào đời sống, văn học có sự khác biệt do được thẩm thấu qua tấm màng lọc văn hoá gốc nông nghiệp lúa nước. Ta thấy vết dấu này trong CPTDB thể hiện ở sự xuất hiện nhân tố nữ và nước trong dự báo, hệ thống động thực vật của văn hoá nông nghiệp và CPTDB mang đậm tính ma thuật, bùa chú liên quan đến văn hoá, truyền thuyết, lịch sử Việt Nam, đặc biệt là tín ngưỡng thờ Mẫu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bruhl, L. (2008). Kinh nghiệm thần bí và biểu tượng ở người nguyên thủy. *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*. Nhà xuất bản Thế giới.

Gurevich, A. (1996). *Các phạm trù văn hóa trung cổ* (tr. 188). Nhà xuất bản Giáo dục.

James, F. (2007). *Cành vàng: Bách khoa thư về văn hóa nguyên thủy*. Nhà xuất bản Lao Động.

Jean, C., & Gheerbrant, A. (2002). *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*. Nhà xuất bản Đà Nẵng.

Nguyễn, H. S., & Trần, Q. Đ. (2014). Thần hóa và vương quyền qua bút pháp vu sử trong *Đại Việt sử kí toàn thư*. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, (11), 100–112.

Tạ, C. Đ. T. (2006). *Thần, người và đất Việt*. Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin.

Trần, N. (Chủ biên). (1997a). *Tổng tập tiểu thuyết Việt Nam* (Tập 1). Nhà xuất bản Thế giới.

Trần, N. (Chủ biên). (1997b). *Tổng tập tiểu thuyết Việt Nam* (Tập 2). Nhà xuất bản Thế giới.

Trần, N. T. (2006). *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*. Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

Vietnamese cultural marks in forecasting methods (Survey in Vietnamese Medieval Narrative Prose)

Tran Thi Thanh Nhi

Faculty of Literature, University of Education, Hue University

ARTICLE INFO

Article history:
Received 06 June 2024
Received in revised form 23 July 2024
Accepted 26 July 2024
Published 20 October 2025

Keywords:
Forecasting
Magic
Talismans
Agricultural culture
Go into a trance

Corresponding author:
Tran Thi Thanh Nhi
E-mail address:
thanhnhidh@gmail.com

ABSTRACT

The prediction methods in Vietnamese Medieval Narrative Prose mostly had Chinese origin since Vietnam was not the homeland of the I Ching (Yi Jing), horoscopes, physiognomy, fortune telling, astrology, interpretation of dreams,... When using forecasting methods in life and in literature, Vietnamese people in general and writers in particular not only received the forms but also certainly were influenced by the ideology from the basis, the principles to the ways of explanation (based on the theory of Yin and Yang, Five elements, Unity of heaven and man, Microcosm of human body, Induction of heaven and man, Destiny of heaven,...). On the surface, we could only see the Chinese "identity" of Vietnamese forecasts. However, if we look beneath these "icebergs", we would realize that Vietnamese medieval writers just borrowed the forms and models to create predictions. In fact, the forecast systems were deeply marked by agricultural culture that could manifest in several aspects: 1. The high frequency appearance of female factors and water factors. 2. Animal and plant systems that represented agricultural culture. 3. The richness of spells and magic associated with Vietnamese traditional culture, legends and history.